

Số: 337 /BC-UBND

Hải Phòng, ngày 19 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III
và phương hướng, nhiệm vụ Quý IV năm 2025 của thành phố Hải Phòng**

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính (CCHC) nhà nước Quý III và phương hướng nhiệm vụ thực hiện Quý IV năm 2025 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Đánh giá về công tác chỉ đạo, điều hành

- Sau khi hợp nhất thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương thành thành phố Hải Phòng (mới), Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước thành phố Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2025; Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2026 - 2030); Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2025; Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 thành lập Đoàn kiểm tra CCHC năm 2025 của thành phố; Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 ban hành Quy định về xác định chỉ số CCHC và Bộ Chỉ số CCHC của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố; Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 ban hành Kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025; Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Quy chế hoạt động quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng thành viên tham gia Ban Chỉ đạo; Quyết định thành lập Tổ công tác CCHC, Tổ công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Tổ công tác Đề án 06; Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự chấm điểm và xác định vị trí xếp hạng chỉ số cải cách hành

chính của các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu và các văn bản chỉ đạo về việc duy trì Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) của thành phố và nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI).

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 07/9/2025 triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 25/8/2025 về Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước thành phố Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2025; Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 08/8/2025 về tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch 160/KH-UBND ngày 01/7/2025 về triển khai thực hiện Đề án "Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025-2030" trên địa bàn thành phố.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025

Thành phố chỉ đạo và phân công các sở, ban, ngành phụ trách theo dõi việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo ngành, lĩnh vực phụ trách. Tính đến nay, thành phố đã thực hiện hoàn thành 10/50 nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước thành phố Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 26/7/2025. Các nhiệm vụ còn lại đang triển khai thực hiện theo tiến độ trong năm 2025.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC

Ngay sau khi hoàn thành hợp nhất thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã kịp thời ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC Nhà nước thành phố Hải Phòng năm 2025. Theo kế hoạch, đến tháng 11/2025 sẽ tiến hành kiểm tra tối thiểu 20% Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố. Đến nay, đã kiểm tra 7 xã, phường theo Kế hoạch. Ngoài ra, lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức các đoàn kiểm tra đột xuất tại 17 xã, phường.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Thực hiện Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2025, các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn thành phố tiếp tục bám sát sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công tác tuyên truyền CCHC, trong đó tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến những quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về CCHC; tuyên truyền về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu của CCHC trong việc góp phần cải thiện môi trường

đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố; tuyên truyền việc thực hiện một số chỉ tiêu thực hiện CCHC năm 2025; tuyên truyền về công tác chuyển đổi số.

Trong Quý III năm 2025, các cơ quan báo chí thành phố đã đăng tải hơn 500 tin, bài, phóng sự tuyên truyền về công tác CCHC trên địa bàn thành phố, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với người dân, tổ chức. Trong đó, Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng thường xuyên tuyên truyền trên các Bản tin thời sự hàng ngày, tiếp tục duy trì chuyên mục “Cải cách hành chính”, “Vì một nền hành chính hiện đại”, “Chuyển đổi số” hàng tuần; Báo Hải Phòng điện tử tiếp tục duy trì chuyên mục “Cải cách hành chính”, “Tăng tốc chuyển đổi số”.

Hệ thống thông tin cơ sở tích cực tuyên truyền sâu rộng đến Nhân dân thành phố về công tác CCHC trên địa bàn xã, phường, đặc khu; thường xuyên đăng phát thông tin tuyên truyền về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố sau khi sáp nhập và chính quyền địa phương hai cấp đi vào hoạt động (tần suất trung bình 01- 02 lượt/tuần).

Sở Nội vụ lập nhóm Zalo cho khối Sở, ngành và khối xã, phường, đặc khu; Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố lập nhóm Zalo dành cho Nhóm lãnh đạo, Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ cho 114 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để kịp thời truyền đạt chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn khi triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

5. Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Trong quý III/2025, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao 47 nhiệm vụ, kết quả thực hiện:

- Hoàn thành 35 nhiệm vụ đúng hạn;
- Đang thực hiện 12 nhiệm vụ.

6. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại địa phương

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo chỉ đạo của Chính phủ, các xã, phường tại thành phố Hải Phòng tích cực nghiên cứu, triển khai sáng kiến cải cách thủ tục hành chính, cụ thể:

- Ủy ban nhân dân phường An Biên ra mắt mô hình “Đồng hành với Nhân dân chuyển đổi số”, nhằm hỗ trợ công dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính. Mô hình không chỉ giúp giảm thời gian đi lại, chi phí thực hiện thủ tục mà còn hướng đến mục tiêu xây dựng trung

tâm hành chính công “không giấy tờ” minh bạch, nhanh chóng, hiện đại. Người dân được hướng dẫn sử dụng các nền tảng như: Cổng Dịch vụ công quốc gia, phần mềm VNeID để đăng ký, nộp hồ sơ, theo dõi tiến độ xử lý và nhận kết quả trực tuyến. Chỉ sau thời gian ngắn triển khai, mô hình hỗ trợ hàng trăm lượt người dân, nhất là trong các lĩnh vực, như: đăng ký hưởng chế độ trợ cấp xã hội, tra cứu hồ sơ đất đai, thực hiện thủ tục đăng ký cư trú, xin giấy phép xây dựng...

- Bên cạnh đó, nhiều mô hình, cách làm hiệu quả trong giải quyết thủ tục hành chính ở các địa phương được áp dụng, như: Mô hình Xây dựng Group Cộng đồng mạng zalo, xã hội về Trung tâm Phục vụ hành chính công tại phường An Phong với chuyên mục “*Hỏi đáp, tư vấn online các thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường An Phong, thành phố Hải Phòng*”; Bố trí công chức và đoàn viên trực, đứng hướng dẫn, điều phối từ cửa ra vào để đón tiếp và hướng dẫn Nhân dân tại phường Lê Chân, xã Chí Minh, xã Hồng Châu, xã Tứ Kỳ; Mô hình “*Ngày không viết*” là khi người dân có yêu cầu, công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã sẽ viết hộ các loại giấy tờ, hồ sơ, trừ một số thủ tục hành chính đặc thù theo quy định pháp luật không được viết hộ của xã An Khánh, hay mô hình giải quyết thủ tục hành chính tại nhà cho người cao tuổi của phường Phù Liễn... Những mô hình này không chỉ mang lại tiện ích rõ rệt cho người dân mà còn giúp nâng cao hiệu quả công việc và giảm tải cho đội ngũ công chức.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CCHC

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Ủy ban nhân dân thành phố trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và Danh mục Nghị quyết quy định chi tiết nội dung được giao với tổng số 23 Nghị quyết; Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đã có Quyết định phê duyệt đăng ký xây dựng đối với 12 Nghị quyết.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt đăng ký xây dựng 139 văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố, 02 văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành 02 Quyết định điều chỉnh Quyết định phê duyệt đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố

- Về tham mưu xây dựng, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

+ Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố: Các sở, ngành đã tham mưu soạn thảo 20 dự thảo; Sở Tư pháp đã thực hiện thẩm định 11 dự thảo;

Ủy ban nhân dân thành phố đã trình 06 dự thảo. Kết quả: Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành: 09 Nghị quyết.

+ Đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: Các sở, ngành đã tham mưu soạn thảo 120 dự thảo; Sở Tư pháp đã nhận được hồ sơ và thực hiện thẩm định đối với 105 dự thảo. Kết quả: Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành: 99 Quyết định.

- Đối với cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã đã ban hành 124 Quyết định quy phạm pháp luật.

1.2. Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật

- Thực hiện rà soát các Nghị định của Chính phủ quy định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp trong các lĩnh vực, báo cáo đề xuất nội dung cơ quan Trung ương phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, kết quả cụ thể như sau: Tổng số thẩm quyền được phân định, phân quyền, phân cấp cho địa phương là: 1.582, trong đó:

- + Hội đồng nhân dân thành phố: 06 thẩm quyền;
- + Ủy ban nhân dân thành phố: 333 thẩm quyền;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: 264 thẩm quyền;
- + Hội đồng nhân dân cấp xã: 05 thẩm quyền;
- + Ủy ban nhân dân cấp xã: 415 thẩm quyền;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: 456 thẩm quyền.
- + Các cơ quan, đơn vị khác: 103 thẩm quyền.

- Thực hiện Văn bản số 352-CV/ĐU ngày 26/6/2025 của Đảng ủy Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo tổ chức thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành còn hiệu lực và chưa có hiệu lực, từ đó xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. Kết quả: Số văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương thực hiện rà soát: 59 văn bản (gồm: 26 Luật, 25 Nghị định, 7 Thông tư, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ). Trên cơ sở đó, thành phố Hải Phòng đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật (theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật).

- Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) và tỉnh Hải Dương đã ban hành gồm: 951 văn bản (497 văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ), 454 văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương).

1.3. Về công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

- *Công tác kiểm tra*: Sở Tư pháp đã tổ chức tự kiểm tra 99/99 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành từ 15/6/2025 đến nay (đang xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định); thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 124/124 văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu ban hành (đã ban hành Kết luận kiểm tra theo thẩm quyền đối 124 văn bản của đơn vị hành chính cấp xã).

- *Kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra*: Đối với các văn bản có sai sót sau công tác kiểm tra theo thẩm quyền: đã yêu cầu các đơn vị được kiểm tra khẩn trương xử lý theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.4. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- Thành phố đã tổ chức 02 Hội nghị phổ biến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm Luật sửa đổi, bổ sung) được thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV và tập huấn kỹ năng tuyên truyền miệng trong phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Biên soạn, phát hành 06 tờ gấp phổ biến giáo dục pháp luật

- Sở Tư pháp chủ trì tu sửa sách pháp luật trên trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật về: “*Bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ*”; xây dựng chuyên đề: “*Đấu giá tài sản*”; “*Xử lý vi phạm hành chính - Phần II*”; “*Cải cách hành chính*”; chủ động tuyên truyền, phổ biến các văn bản, chính sách về cải cách hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1.5. Về công tác theo dõi thi hành pháp luật

- Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 quy định về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 và Quy chế công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố;

- Kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do thành phố ban hành liên quan đến lĩnh vực theo dõi trọng tâm, liên ngành năm 2025 về: Thủy sản (phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU)); tài nguyên và môi trường (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất; bảo vệ môi trường biển, hải đảo; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn

nước); lâm nghiệp (giao rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng); phòng cháy và chữa cháy (các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy); an sinh xã hội (các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu covid-19).

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Sau khi hợp nhất, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các Sở, ban, ngành thực hiện cắt giảm tối thiểu 50% thời gian giải quyết TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC theo thời gian đã được cắt giảm, đảm bảo công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời tiến độ giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố và đồng bộ, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Kết quả 12/12 sở, ban, ngành đã cắt giảm thời gian và xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC, cụ thể: (1) Tỷ lệ cắt giảm trên 50%: Khối các sở, ban, ngành đạt 127/1.915 thủ tục (6,63%); khối cấp xã 12/320 thủ tục (5,21%); (2) Tỷ lệ cắt giảm bằng 50%: Khối các sở ngành đạt 1537/1.916 thủ tục (80,21%); khối cấp xã 257/320 thủ tục (80,31%); (3) Tỷ lệ cắt giảm dưới 50%: Khối các sở, ban, ngành đạt 39/1915 thủ tục 2,03%); khối cấp xã 8/320 thủ tục (2,5%); (4) Không cắt giảm 50% thời gian: Khối các sở, ban, ngành là 203/1.915 thủ tục (10,6%); khối cấp xã 35/320 thủ tục (10,9%).

Không cắt giảm thời gian: 181/2.235 thủ tục (8,09%), trong đó khối các sở, ban, ngành là 152/1.915 thủ tục (8,09%); khối cấp xã 28/320 thủ tục (8,75%).

2.2. Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương

Sau khi hợp nhất, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố đã tập trung rà soát, chuẩn hóa danh mục TTHC cấp thành phố, cấp xã còn hiệu lực thi hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành 66 Quyết định công bố 1.915 TTHC cấp tỉnh, 320 TTHC cấp xã; công bố 1.320 thủ tục hành chính thực hiện phi địa giới hành chính (cấp sở, ngành là 1.179 thủ tục, cấp xã là 141 thủ tục); tích hợp 750 TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 1.131 dịch vụ công trực tuyến một phần; 100% TTHC được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định.

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

a) Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 2821/QĐ-UBND

ngày 10/7/2025 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia. Từ ngày 01/7/2025, thành phố Hải Phòng chính thức vận hành hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố tại 2 điểm (khu vực phía Tây thành phố và trụ sở chính khu vực phía Đông thành phố) để tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC. Tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu đã thành lập 114 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP.

Về địa điểm, cơ sở vật chất có 64/114 xã, phường, đặc khu (đạt 56,1%) bố trí Trung tâm Phục vụ hành chính công bảo đảm diện tích từ 150m² trở lên; còn 23/114 xã, phường (chiếm 20,2%) có diện tích từ 100m² đến dưới 150m²; còn 6/114 xã, phường (chiếm 5,3%) có diện tích từ 80m² đến dưới 100m²; còn 21/114 xã, phường (chiếm 18,4%) còn 1/114 có diện tích dưới 80m²; có 56/114 (đạt 49,1%) đơn vị đã đầu tư mua sắm trang thiết bị thiết yếu như: kiosk lấy số thứ tự, màn hình hiển thị số thứ tự tập trung/tại quầy, hệ thống...; lắp đặt đồng bộ, thống nhất bộ nhận diện thương hiệu theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Các đơn vị cơ bản đã bố trí các khu vực chức năng theo quy trình hợp lý, thuận tiện để hướng dẫn, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết.

b) Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công. Cụ thể, toàn bộ báo cáo ngày, tuần, tháng, quý, năm được điện tử hóa trên Hệ thống báo cáo thành phố; các biểu mẫu báo cáo về tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được cung cấp trực tuyến, bảo đảm tính trực quan, thuận tiện trong theo dõi, giám sát.

Thành phố triển khai các giải pháp đơn giản hóa quy trình thanh toán trực tuyến, tích hợp tiến độ giải quyết TTHC trên ứng dụng Zalo nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, đã tích hợp sổ theo dõi hồ sơ điện tử và sổ trả kết quả điện tử cho Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và cấp xã.

Tại các xã, phường, các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố hoặc theo quy trình của Bộ, ngành chủ quản, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc tại cơ sở.

Kết quả số hóa hồ sơ: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố ghi nhận tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử là 100% và tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt

98,17%.

c) Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC tại các cấp chính quyền ở địa phương

Trong quý III/2025, thành phố Hải Phòng đã tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC cụ thể như sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 426.364 hồ sơ, trong đó: cấp thành phố: 109.165 hồ sơ; cấp xã: 317.199 hồ sơ.

- Đã trả kết quả: 397.546 hồ sơ; đang giải quyết: 22.041 hồ sơ.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng và trước hạn đạt: 98,06%.

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 65,93%.

d) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (ở 2 địa điểm) đã tiếp nhận, phân loại, chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý 462 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; đã hoàn thành và công khai kết quả xử lý 322 phản ánh, kiến nghị; đang xử lý 140 phản ánh, kiến nghị.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

3.1. Về tổ chức các cơ quan chuyên môn

- Đối với cơ quan chuyên môn và Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố: Ngày 01/7/2025, Kỳ họp thứ Nhất Hội đồng nhân dân thành phố đã quyết định thành lập 13 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1459/QĐ-TTg thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng trên cơ sở hợp nhất 02 Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương thành Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng; trong ngày 01/7/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định bổ nhiệm 104 Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ngành (sau hợp nhất): Ngay trong ngày 01/7/2025, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành 14 quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ngành. Các sở, ngành tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố cũng đã ban hành 15/16 quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các Ban, Chi cục thuộc các sở, ngành theo quy định¹. Đồng thời các sở, ngành đã thực hiện sắp xếp 214 phòng còn 117 phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương

¹ Cảng vụ Hàng hải thuộc Sở Xây dựng giữ nguyên nên không phải ban hành mới quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy.

đương thuộc sở, ngành, giảm 97 phòng, đạt tỷ lệ 45,3%.

3.2. Về tổ chức đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố

- Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng trên cơ sở hợp nhất 02 Trung tâm Phát triển quỹ đất tại 02 địa phương thành Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng²; đồng thời tiếp nhận 13 Ban Quản lý dự án thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thành Ban Quản lý dự án khu vực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (khi kết thúc hoạt động của cấp huyện). Sau sắp xếp tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố là 24 đơn vị (tăng 11 đơn vị).

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành: thực hiện sắp xếp 227 đơn vị còn 197 đơn vị, giảm 30 đơn vị.

- Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 15/15 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố đã sắp xếp, tổ chức lại và 97/98 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành đã sắp xếp, tổ chức lại³.

3.3. Về công tác biên chế

- Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 50/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 tạm giao biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị và hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc thành phố Hải Phòng năm 2025 sau hợp nhất; đồng thời ban hành Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc tạm giao biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị và Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc thành phố Hải Phòng năm 2025 sau hợp nhất thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương. Theo đó:

- Tổng số biên chế công chức được giao: 8.587 người; có mặt 7.491 người. Trong đó: biên chế cấp thành phố 2.226 người.

- Tổng số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập: 64.575 người; có mặt 60.470 người.

3.4. Về công tác phân cấp, ủy quyền

- Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 12/7/2025 về việc triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng; theo đó: giao các địa phương, đơn vị tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, thẩm quyền về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân

² Quyết định số 2710/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND thành phố về việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng.

³ Còn lại 01 đơn vị (Trung Tâm xúc tiến đầu tư - việc làm - Hỗ trợ doanh nghiệp thuộc Ban Quản lý Kinh tế Hải Phòng) đang lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

cấp, ủy quyền; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các Nghị định về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp.

- Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 quy định phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền cho công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Các sở, ban, ngành đã chủ động rà soát, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản để phân cấp, ủy quyền theo quy định (*Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường các dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế; ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng mất an toàn khi nhập khẩu...*).

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

- Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

Sau khi hoàn thành việc hợp nhất thành phố Hải Phòng với tỉnh Hải Dương và hoàn thành hợp nhất các cơ quan chuyên môn, 100% Sở, ban, ngành hoàn thành xây dựng Đề án vị trí việc làm.

- Đối với cấp xã:

Trong thời gian chờ Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương ban hành các quy định về vị trí việc làm; Ủy ban nhân dân thành phố định hướng tạm thời các vị trí việc làm viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo); làm cơ sở để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và bố trí, quản lý đội ngũ theo yêu cầu vị trí việc làm. Đồng thời, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai xây dựng bản mô tả vị trí việc làm; phê duyệt bản mô tả các vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp trực thuộc trên cơ sở danh mục vị trí việc làm được Ủy ban nhân dân thành phố định hướng tạm thời; chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền quản lý (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở): xây dựng Đề án vị trí việc làm; ban hành Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề

ng nghiệp trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý; rà soát, sắp xếp, bố trí đội ngũ đảm bảo tiêu chuẩn theo vị trí việc làm; thực hiện việc sử dụng, quản lý viên chức theo quy định.

4.2. Về giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 178, Nghị định 67, Nghị định 154, các chế độ chính sách khác (nâng lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên...).

- Hướng dẫn tiêu chí đánh giá đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và giải quyết chính sách, chế độ của thành phố Hải Phòng.

- Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đối tượng nghỉ việc với tổng số 2.901 trường hợp, cụ thể:

Trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: 2.116 trường hợp, trong đó:

- Hải Phòng (cũ): 1.053 trường hợp;
- Hải Dương (cũ): 1.063 trường hợp.

Từ sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đến nay: Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt: 785 người (trong đó 409 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, 376 trường hợp thôi việc).

Đối với các đối tượng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: đã giải quyết chế độ, chính sách đối với 1.230 người.

4.3. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 10/7/2025 tập huấn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ vận hành hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp theo từng chuyên ngành, theo đó thành phố đã tổ chức 04 đợt tập huấn với 12 chuyên đề về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ vận hành hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, qua đó đã trao đổi, hỏi đáp trực tiếp về những khó khăn, vướng mắc, bất cập khi áp dụng quy định của pháp luật từng chuyên ngành vào hoạt động quản lý, thực thi công vụ. Thông qua đó từng bước góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập khi áp dụng các quy định của pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp triển khai trong thực tế quản lý.

- Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ làm việc với Trường Chính trị Tô Hiệu để thống nhất một số nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên, kỹ năng lãnh đạo cấp phòng. Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng

ng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt trọng tâm các nội dung liên quan tới chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn hoạt động quản lý theo các Kế hoạch đã ban hành⁴.

- Ban hành Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 12/8/20225 về triển khai xây dựng bộ đo lường, đánh giá kết quả, hiệu quả công việc (KPI).

5. Cải cách tài chính công

- Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau hợp nhất.

- Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thành phố Hải Phòng; sửa đổi, bổ sung quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và vốn đầu tư công ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 của thành phố Hải Phòng sau sắp xếp.

- Tổ chức rà soát, nghiên cứu các cơ chế giao nhiệm vụ thu ngân sách và tỷ lệ điều tiết hợp lý cho các xã, phường, đặc khu. Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố. Nghiên cứu xây dựng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản cao hơn mức tối đa quy định tại Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội.

- Thành phố tiếp tục thực hiện đổi mới, tăng cường kỷ cương thu, chi ngân sách, đảm bảo chỉ tiêu thu ngân sách năm 2025 được Trung ương giao, cụ thể: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố 8 tháng đầu năm ước đạt 131.647,25 tỷ đồng, đạt 89,3% dự toán Trung ương giao (đạt 79,8% kịch bản năm), bằng 128,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Thu nội địa ước đạt 73.708,75 tỷ đồng, đạt 98,7% dự toán Trung ương giao (đạt 88,8% kịch bản năm), bằng 135,8% so với cùng kỳ năm trước; thu xuất nhập khẩu ước đạt 56.387,72 tỷ đồng, đạt 84,7% dự toán Trung ương giao (đạt 75,1% kịch bản năm), bằng

⁴ Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 02/6/2025 của UBND thành phố Hải Phòng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng, Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Hải Dương năm 2025, Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 đối với Trường Chính trị tỉnh tại Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Hải Dương.

125,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong phần thu nội địa, thu sử dụng đất 8 tháng đầu năm ước đạt 31.552,97 tỷ đồng, đạt 119,7% dự toán Trung ương giao (vượt mục tiêu kịch bản năm, đạt 104,6%), bằng 174,8% so với cùng kỳ năm trước; Tổng chi ngân sách nhà nước 8 tháng đầu năm ước đạt 39.753,90 tỷ đồng, đạt 56,3% dự toán Trung ương giao. Trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 16.794,12 tỷ đồng, đạt 48,8% dự toán Trung ương giao; chi thường xuyên ước đạt 21.762,21 tỷ đồng, đạt 68,1% dự toán Trung ương giao.

- Giải ngân vốn đầu tư công: Hết tháng 8/2025, thành phố giải ngân đạt 21.767,731 tỷ đồng, đạt 60,6% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao (35.893,2 tỷ đồng) và đạt 55,4% kế hoạch vốn thành phố giao (39.298,252 tỷ đồng), cao hơn cùng kỳ năm 2024 (thành phố giải ngân được 9.249,7 tỷ đồng, bằng 38,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (23.850,893 tỷ đồng), bằng 30,6% kế hoạch thành phố giao (30.263,8 tỷ đồng)).

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Sau hợp nhất, thành phố Hải Phòng đã triển khai đồng bộ, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được chú trọng, các chương trình, kế hoạch hành động đã được ban hành giúp định hướng cụ thể cho việc triển khai. Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã ban hành Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Quyết định số 01-QĐ/TU, ngày 01/7/2025 về kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo). Đồng thời, Ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 03-QĐ/BCĐ, ngày 19/8/2025 kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Hải Phòng; Quyết định số 04-QĐ/BCĐ, ngày 19/8/2025 kiện toàn Hội đồng Tư vấn thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tư vấn, đề xuất với Ban chỉ đạo về các chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách và các giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại thành phố Hải Phòng. Tham gia Hội đồng tư vấn có các chuyên gia là các nhà khoa học uy tín trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 về thành lập Ban Chỉ đạo thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Trưởng ban; ban hành Quyết định số 93/QĐ-BCĐ ngày

21/8/2025 về Quy chế làm việc của hành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Đồng thời, thành lập 03 Tổ công tác chuyên trách để tham mưu, đôn đốc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về Đề án 06, phát triển khoa học công nghệ và cải cách hành chính,

- Về tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng: Hoạt động phát triển khoa học và công nghệ luôn được thành phố quan tâm, đầu tư. Thành phố đang khẩn trương phối hợp nhà đầu tư, triển khai Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Công nghệ tại Hải Phòng, với dự kiến quy mô đầu tư khoảng 13 nghìn tỷ đồng, diện tích hơn 86ha, trong đó có tổ hợp giáo dục và công nghệ chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ cao, AI, bán dẫn. Xây dựng chương trình/kế hoạch triển khai Chương trình khoa học công nghệ biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030; Xây dựng chương trình/kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ biển (đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045). Thành phố hỗ trợ phát triển, tăng năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; tập trung trong lĩnh vực chuyển đổi số nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, sản lượng, giảm chi phí, giá thành... qua triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố. Tiếp tục triển khai 11 Chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế thành phố.

- Tiếp tục triển khai áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 tại chính quyền địa phương của thành phố Hải Phòng.

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: Triển khai mạng chuyên dụng dùng riêng (TSLCD) cấp II đảm bảo kết nối đến 100% các phường, xã, đặc khu làm cơ sở đưa các ứng dụng lên hoạt động theo kế hoạch. Hiện nay, việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin tại các ngành, đơn vị trên địa bàn thành phố đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Các hệ thống nghiệp vụ khác:

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành đã được nâng cấp, mở rộng cho 114 đơn vị cấp xã mới.

- Công tác cấp mới, thay đổi thông tin chữ ký số chuyên dùng được triển khai tích cực, đã hoàn thành cho 183/183 tổ chức và 3.299/3.299 cá nhân.

- Các hệ thống Cổng Thông tin điện tử, Thư điện tử công vụ, Hệ thống thông tin báo cáo đã được sao lưu, rà soát và dựng khung kỹ thuật theo mô hình mới, sẵn sàng vận hành.

- *Hạ tầng và kết nối:* Thành phố đã hoàn thành lắp đặt Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cho 114/114 xã, phường, đặc khu, đảm bảo vận hành ổn

định. Mỗi đơn vị đã được trang bị 02 đường truyền số liệu chuyên dùng để dự phòng. Các địa phương đã cơ bản bố trí tạm thời trang thiết bị CNTT (máy tính, máy in, internet tốc độ cao) để phục vụ hoạt động.

- *Nền tảng và dịch vụ:* Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đã được hiệu chỉnh, nâng cấp để đáp ứng mô hình chính quyền 02 cấp, cập nhật quy trình cho khoảng 341 TTHC cấp xã. Đã thiết lập tài khoản thanh toán trực tuyến cho 114/114 xã, phường, đặc khu. Các nền tảng dùng chung như Hệ thống Quản lý văn bản và Cổng thông tin điện tử đã được triển khai mở rộng cho đủ 114 đơn vị.

- *Nâng cao năng lực và hỗ trợ:* Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức 20 lớp tập huấn cho cán bộ cấp xã và thiết lập 114 nhóm Zalo hỗ trợ kỹ thuật 24/7 để giải đáp kịp thời các vướng mắc, đây là một kinh nghiệm thành công trong quá trình triển khai.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Công tác cải cách hành chính luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; được lãnh đạo thành phố quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất triển khai đồng bộ, bám sát theo các Chương trình, Kế hoạch của Trung ương và thành phố về cải cách hành chính. Sau khi hợp nhất, thành phố tập trung phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh thành phố. Tình hình kinh tế - xã hội thành phố tiếp tục đạt được nhiều kết quả trên mọi lĩnh vực. Nhiều công trình trọng điểm đã được khởi công, khánh thành trên địa bàn thành phố. Thành phố tích cực triển khai, hiện thực hóa Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ cho quá trình tổ chức thực hiện. Quyết liệt triển khai cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi; số lượng doanh nghiệp thành lập mới 8 tháng đầu năm tăng 39,3%, với số vốn đăng ký tăng gấp 2,75 lần so với cùng kỳ năm trước. Quan tâm triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách về an sinh xã hội theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố. Tích cực triển khai Nghị quyết số 57/NQ-TW với nhiều hoạt động trao đổi, hợp tác trong lĩnh vực khoa học công nghệ, khuyến khích khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

2. Một số khó khăn, vướng mắc

Trong quý III năm 2025, chính quyền địa phương 02 cấp chính thức đi vào hoạt động đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc như:

- Tại cấp xã, có 02 phòng chuyên môn hiện nay đang phải kế thừa và đảm nhiệm các nhiệm vụ của nhiều lĩnh vực trước đây (Phòng Văn hóa - Xã hội: 05

phòng trước đây, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: 04 phòng trước đây); mỗi công chức đang phải tham mưu xử lý công việc với khối lượng và mức độ phức tạp lớn hơn nhiều so với trước đây.

- Một số lĩnh vực chuyên môn sâu, đặc thù như lĩnh vực y tế, xây dựng, giao thông, quy hoạch, chuyển đổi số... thiếu nhân lực chất lượng, ảnh hưởng đến hiệu quả tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại địa phương.

- Sau hợp nhất, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên thay đổi, bổ sung, điều chỉnh nhiều, do đó cán bộ công chức phải thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung các quy trình phù hợp, dẫn đến không ít cán bộ công chức chưa kịp thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

- Tại một số thời điểm, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố bị quá tải do nhiều lượt truy cập, dẫn đến gián đoạn trong việc thao tác các bước xử lý hồ sơ TTHC.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ IV

- Ban hành Quyết định phê duyệt danh mục văn bản quy định chi tiết Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước;

- Ban hành Quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau hợp nhất (áp dụng chung, bãi bỏ; sửa đổi, bổ sung, thay thế).

- Triển khai Kế hoạch: Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2025 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch xác định chỉ số cải cách hành chính sở, ngành, địa phương; Kế hoạch xác định chỉ số cải cách hành chính của thành phố; kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố năm 2025; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm trên địa bàn thành phố; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức thành phố Hải Phòng năm 2025.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Vận hành, khai thác hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai, thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước quý III, phương hướng thực hiện nhiệm vụ quý IV năm 2025 của thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng kính gửi Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chính phủ. / *um*

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP CP;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành thuộc TP;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- CVP, các PCVP UBNDTP;
- Các Phòng: NVKTGS, HCQT;
- Lưu: VT, N.T.Thủy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Hùng

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
(Kèm theo Báo cáo số **337** /BC-UBND ngày **19** /**9** / 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Biểu mẫu 1: Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Cơ quan thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	25		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	20		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	50		
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	10		
3.	Kiểm tra CCHC				
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	19		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	20		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0		
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao				Văn phòng UBND thành phố
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	47		
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	35		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Cơ quan thực hiện
		Đơn vị tính	Số liệu		
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0		
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	12 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2			
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1		

Biểu mẫu 2: Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	223	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	99	
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	124	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	124	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	7,41	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	54	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	4	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	951	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	264	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	264	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3: Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	1980	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	1500	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	1450	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.235	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.915	
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	320	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100%	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	1850	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96,56%	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	90.354	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	87/250	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,5%	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	307.192	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn		302.593	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	69,69%	
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	462	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	322	

Biểu mẫu 4: Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	16	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.632	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	24	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	170	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	1.438	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	8.587	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	7.491	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	945	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	2.343	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	64.575	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	60.470	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	143	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	13,4%	

Biểu mẫu 5: Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	13	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	221	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6: Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	60,6%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	35.893,2	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	21.767,731	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1632	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	17	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	49	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	400	
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	16	
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	27	
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	357	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1169	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7: Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	Đang triển khai	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100%	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		100%	
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh.	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100%	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	530	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	530	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	71,61%	
4.2.1.	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	1.899	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	1.360	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	65,93%	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	426.364	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	281.128	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	34,06%	
4.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	426.364	
4.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	132.458	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	437	
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	437	

